

Tác động của dịch Covid-19 lên chuỗi cung ứng lúa gạo Việt Nam của các doanh nghiệp xuất khẩu

LÂM THANH PHI QUỲNH^{1,*} & NGUYỄN ĐĂNG KHOA²

¹ Trường Đại học Hoa Sen

² Trường CĐ Công nghệ thông tin TP.HCM

Nhận bài: 16/09/2022 - Duyệt đăng: 15/12/2022

(*) Liên hệ: quynh.lamthanhphi@hoasen.edu.vn - ĐT: 0931469929

Tóm tắt:

Đây là một trong những nghiên cứu tiên phong để đánh giá tác động của dịch Covid-19 lên chuỗi cung ứng lúa gạo VN. Dữ liệu được thu thập bằng cách thực hiện phỏng vấn sâu với 11 doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh, xuất khẩu lúa gạo ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Từ đó, nhóm tác giả xác định các tác động của đại dịch Covid-19 đối với chuỗi cung ứng lúa gạo của các doanh nghiệp trong ngành và cách các tác động này gây đứt gãy chuỗi cung ứng dựa trên mô hình Magableh (2021). Kết quả cho thấy các chỉ thị của Chính phủ VN khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong vận chuyển, nhân sự và gia tăng các loại chi phí. Các khó khăn này tác động khiến cung và cầu lúa gạo không thể gặp nhau và dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng.

Từ khóa: Chuỗi cung ứng gạo, đứt gãy chuỗi cung ứng, mô hình Magableh (2021), COVID-19.

Abstract:

This study is one of the pioneer studies to assess the impact of the COVID-19 epidemic on the supply chain of Vietnamese rice. The data was collected by conducting in-depth interviews with 11 companies in Ho Chi Minh City and the Mekong Delta provinces to explore what crises that companies dealt with and how these crises caused supply chain disruptions based on the model suggested by Magableh (2021). The results show that Government of Viet Nam directives caused transportation difficulties in transportation of the supply chain, human resources crisis, and increased costs. These crises make supply unable to meet demand, leading to supply chain disruption.

Keywords: Impact, rice supply chain, supply chain disruption, Magableh model, COVID-19.

1. Giới thiệu

Chuỗi cung ứng là một mạng lưới các nhà cung cấp sản xuất hàng hóa cho nhau và cho các khách hàng chung của họ (Daganzo, 2003). Chuỗi cung ứng bao gồm tất cả các đối tượng như: nhà sản xuất, nhà cung cấp, nhà vận chuyển, kho, nhà bán lẻ, khách hàng và các hoạt động liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp giữa

các đối tượng này với nhau nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng (Chopra & Meindl, 2009). Ngoài ra, chuỗi cung ứng còn được xem là sự kết hợp của các quy trình, chức năng, hoạt động, mối quan hệ, cách thức và quá trình trao đổi dòng tài chính, thông tin, dịch vụ và sản phẩm giữa các doanh nghiệp từ nhà sản xuất ban đầu đến người sử dụng cuối cùng

(ultimate end-user) hoặc người tiêu dùng (consumer) (Kampstra và cộng sự 2006).

Chiến tranh thương mại Mỹ Trung xảy ra từ cuối năm 2018, đại dịch Covid-19 xảy ra năm 2020. Hai sự kiện chấn động nền kinh tế thế giới xảy ra liên tiếp đã khiến cho chuỗi cung ứng – huyết mạch của nền kinh tế toàn cầu lộ ra những điểm yếu (Ivanov,

2020; Magableh, 2021). Đại dịch khiến chuỗi cung ứng mất đi tính ổn định, làm cho cung không thể gặp cầu và nhu cầu của khách hàng không được đáp ứng (Lopes de Sousa Jabbour và cộng sự, 2020). Trong đó, các biện pháp phòng chống dịch của Chính Phủ là yếu tố gây sức ép lên nền kinh tế nói chung và chuỗi cung ứng nói riêng. VN là một trong những quốc gia áp dụng các biện pháp phòng và chống dịch rất nghiêm ngặt ngay từ đầu. Sự khác biệt trong cách chống dịch này khiến việc đánh giá tác động của Covid-19 lên chuỗi cung ứng tại VN có thể cho ra kết quả khác với các nghiên cứu tại các quốc gia khác.

Gạo là mặt hàng chủ lực với sự đóng góp mỗi năm hàng tỷ USD trong tổng giá trị xuất khẩu của VN (Phạm Thị Thanh Hà & Phạm Hà Phương, 2014). Năm 2020 VN đứng thứ 2 về lượng gạo cung cấp cho thế giới sau 3 năm liên tục đứng vị trí thứ 3 - sản lượng gạo xuất khẩu VN đạt gần 6,15 triệu tấn trị giá khoảng 3,07 tỷ USD - vượt qua Thái Lan về lượng đồng thời vươn lên đứng 2 thế giới sau Ấn Độ (Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, 2021). Gạo vừa là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của VN vừa là một sản phẩm có vai trò quan trọng trong việc ổn định an ninh lương thực quốc gia. Do vậy, chuỗi cung ứng gạo

tại VN có nhiều điểm khác biệt và đáng được lưu ý.

Trong khi các nghiên cứu về sự tác động của Covid-19 đến chuỗi cung ứng ở nước ngoài và đối với VN còn rất hạn chế, bài nghiên cứu đóng góp thêm một nghiên cứu thực nghiệm để đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đối với chuỗi cung ứng lúa gạo của các doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo tại VN.

2. Cơ sở lý thuyết

Tổng quan về chuỗi cung ứng lúa gạo tại VN

Theo Võ Thị Thanh Lộc & Nguyễn Phú Sơn (2011), chuỗi cung ứng lúa gạo của VN nói chung và ở ĐBSCL nói riêng sẽ bao gồm các hoạt động cơ bản như cung cấp đầu vào (giống, phân bón, thuốc trừ sâu, ...) → sản xuất (nông nhân) → thu gom (thương lái/hàng xáo) → chế biến (nhà máy xay xát, lau bóng, công ty xuất khẩu, công ty cung ứng) → thương mại (công ty, bán lẻ/si) → tiêu dùng (nội địa và xuất khẩu). Bên cạnh các thành phần cơ bản tham gia chuỗi cung ứng như nông dân, thương lái, nhà máy xay xát, các công ty cung ứng, công ty xuất khẩu, mạng lưới bán sỉ, bán lẻ, còn có sự tham gia của các ngành có liên quan, các dịch vụ, cơ sở hạ tầng và thể chế hỗ trợ.

Đối với chuỗi cung ứng xuất khẩu, theo (Nguyễn Văn Sơn, 2013) VN sẽ có 2 mô hình chuỗi

cung ứng cơ bản:

Mô hình A (Thu mua gạo – xuất khẩu): Nhà cung cấp → Nhà sản xuất → Thương lái → Nhà máy xay xát 1 → Nhà máy xay xát 2 → Công ty xuất khẩu → Cảng → Nhà nhập khẩu. Với mô hình này, loại gạo thường xuất khẩu là gạo trắng 15 – 25% tấm, được đóng trong bao theo quy cách từ 25 – 50 kg và chế biến chủ yếu qua 2 công đoạn. Khi công ty xuất khẩu có nhu cầu, thương lái sẽ giao gạo nguyên liệu tại nhà máy của công ty xuất khẩu hoặc tại cảng do nhà xuất khẩu chỉ định. Gạo thành phẩm sẽ được vận chuyển bằng xà lan đến các cảng thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian vận chuyển từ 1 – 2 ngày; thời gian chờ giao hàng là 2 - 3 ngày. Đối với mô hình này, gạo thường xuất khẩu chủ yếu theo điều kiện FOB đến các thị trường tương đối dễ tính như ASEAN, Châu Phi và Cuba.

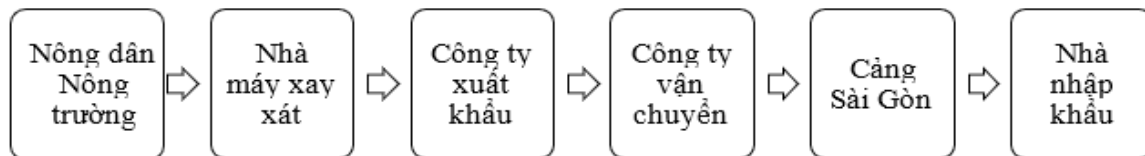
Mô hình B (Đầu tư vùng lúa chuyên canh – xuất khẩu): Nhà cung cấp → Nhà sản xuất → Nhà máy xay xát → Công ty xuất khẩu → Công ty vận chuyển → Cảng → Nhà nhập khẩu. Với mô hình này, loại gạo thường xuất khẩu là gạo thơm (jasmine, fragrance) 5%, đóng trong bao với quy cách từ 1 – 10kg/bao. Trong mô hình này, thương lái thu mua trực tiếp từ vùng lúa chuyên canh. Quá trình sản xuất được cơ giới hóa và thực hiện theo quy trình khép

Hình 1: Mô hình A (thu mua gạo - xuất khẩu)



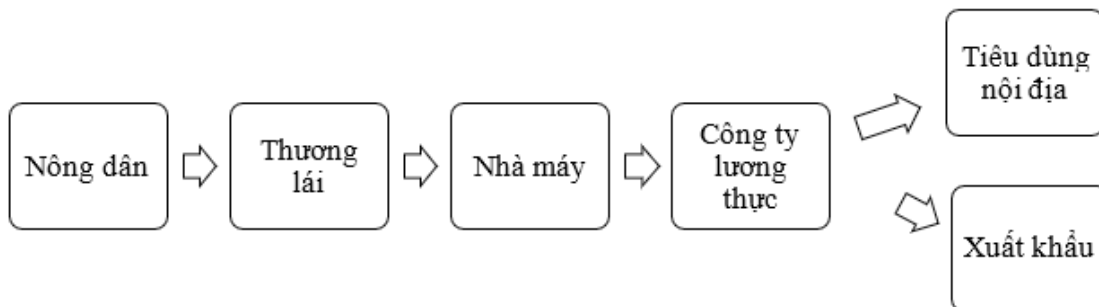
Nguồn: Nguyễn Văn Sơn, 2013

Hình 2: Mô hình B (vùng chuyên canh - xuất khẩu)



Nguồn: Nguyễn Văn Sơn, 2013

Hình 3: Chuỗi cung ứng mặt hàng gạo tại VN



Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

kín. Gạo thành phẩm được vận chuyển bằng xà lan theo đường sông, đóng trong container 20 feet vận chuyển đến các ICD của các cảng tại thành phố Hồ Chí Minh đối với các tỉnh ven Sông Hậu; hoặc vận chuyển bằng xe container theo quốc lộ 1A về các cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, thời gian vận chuyển trung bình 4 – 5 giờ đối với hàng hóa từ Tiền Giang và Long An. Đối với mô hình này, gạo thường xuất khẩu chủ yếu theo điều kiện CNF, CIF hoặc FOB, xuất khẩu đến các thị trường tương đối khó tính hơn như Hong Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Ả Rập Xê Út, ...

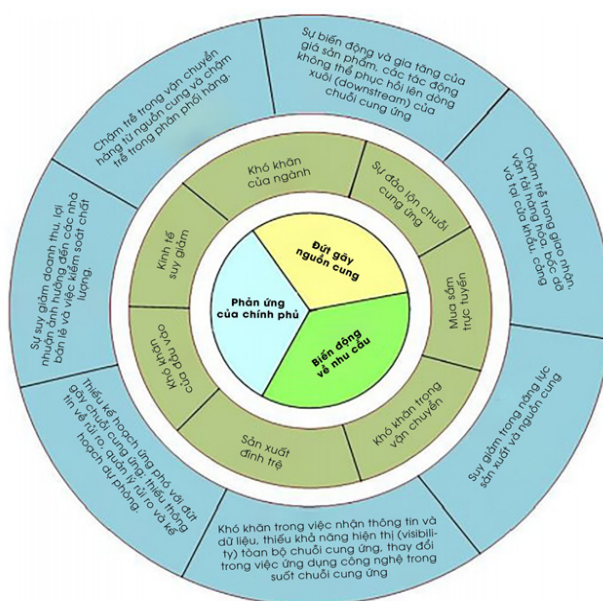
Dựa trên mô hình chuỗi cung ứng từ các nghiên cứu kể trên và việc tìm hiểu trong quá trình phỏng vấn doanh nghiệp, chúng tôi tóm tắt chuỗi cung ứng mặt hàng gạo tại VN qua Hình 3.

Các nghiên cứu thực nghiệm liên quan

Magableh (2021) xây dựng mô hình tác động của dịch Covid- 19 đến chuỗi cung ứng dựa trên việc xem xét ba khía cạnh chính bao gồm (i) các nguyên nhân chính của việc gián đoạn chuỗi cung ứng, (ii) các thách thức liên quan đến đại dịch và (iii) những tác động lên chuỗi cung ứng do Covid-19.

Đầu tiên - vòng tròn trong cùng của mô hình thể hiện các nguyên nhân chính gây đứt gãy chuỗi cung ứng gồm 3 nguyên nhân tác động qua lại lẫn nhau: (K1) thay đổi trong nguồn cung, (K2) sự biến động về nhu cầu và (K3) phản ứng của chính phủ trong việc ngăn chặn đại dịch.

Hình 4: Mô hình - Tác động của dịch COVID-19 đến chuỗi cung ứng



Nguồn: Magableh, 2021

Thứ 2 - vòng tròn ở giữa thể hiện khó khăn mà những doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng gặp phải do tác động của đại dịch COVID-19 bao gồm khó khăn trong vận chuyển hàng hóa, sự gia tăng hoạt động mua sắm trực tuyến, các đảo lộn của chuỗi cung ứng, những khó khăn cụ thể của ngành, khó khăn do kinh tế suy giảm, khó khăn trong việc thu mua các yếu tố đầu vào và khó khăn do đình trệ sản xuất.

Thứ 3 - vòng tròn ngoài cùng thể hiện những gián đoạn cụ thể trong chuỗi cung ứng dưới tác động đại dịch Covid-19 bao gồm:

(H1) Biến động về giá dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ của nhà cung cấp, nhà bán lẻ và khách hàng.

(H2) Chậm trễ trong nhận hàng từ nhà cung cấp và phân phối hàng hóa đến khách hàng.

(H3) Sự chậm trễ trong việc giao hàng, vận chuyển, nâng hạ hàng hóa và thực hiện thủ tục hải quan ở các cảng và biên giới.

(H4) Suy giảm doanh thu, lợi nhuận ảnh hưởng đến các nhà bán lẻ và khả năng kiểm soát chất lượng sản phẩm.

(H5) Năng lực sản xuất và nguồn cung sản phẩm suy giảm.

(H6) Thiếu kế hoạch chuẩn bị để đối phó với các vấn đề liên quan đến gián đoạn chuỗi cung, thiếu thông tin về rủi ro, quản lý rủi ro và kế hoạch dự phòng.

(H7) Khó khăn trong việc trao đổi thông tin với đối tác, thiếu khả năng hiển thị chuỗi cung ứng từ đầu đến cuối (end-to-end visibility); thiếu việc tích hợp, điều phối và linh động trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào xuyên suốt chuỗi cung ứng (Magableh, 2021).

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Stecke & Kumar (2009) đánh giá tính dễ tổn thương của chuỗi cung ứng trước các thảm họa khác nhau như thiên tai, khủng bố, ... Nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố tạo nên tính dễ tổn thương và biện pháp xoa dịu nếu đứt gãy chuỗi cung ứng xảy ra.

Nghiên cứu của Mahajan & Tomar (2020) tại thị trường Ấn Độ xem xét mức độ đứt gãy chuỗi

cung ứng thực phẩm khi có lệnh đóng cửa của Chính phủ. Nghiên cứu đã cho thấy trong thời gian áp dụng lệnh đóng cửa, tính sẵn có của sản phẩm tại các điểm bán lẻ giảm 10% nguyên nhân xuất phát từ các khó khăn trong khâu vận chuyển. Nguyên nhân đằng sau các thay đổi trên là do sự đứt gãy của chuỗi cung ứng. Cụ thể là, khi khoảng cách từ nguồn nguyên liệu tới điểm bán càng xa thì việc thiếu sản phẩm càng có xu hướng xảy ra hơn và chi phí vận chuyển càng gia tăng nhiều hơn.

Shahed và cộng sự (2021) đưa ra một mô hình để quản lý những nguy cơ gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng, từ đó các nhà quản trị có thể đưa ra các chiến lược giúp tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp mình trong thời kỳ dịch bệnh.

Nghiên cứu về tác động của dịch bệnh Covid-19 đến nền kinh tế cũng được thực hiện bởi một số nhà nghiên cứu trong nước. Cụ thể, nghiên cứu của Nguyễn Minh Quang và cộng sự (2021) đã nhận diện được những tác động của dịch bệnh trong sự cộng hưởng với biến đổi khí hậu đối với an ninh lương thực. Nghiên cứu của Tôn Nguyễn Trọng Hiền và Nguyễn Quỳnh Mai (2021) nhằm đánh giá tầm quan trọng, mối quan hệ đan xen giữa các yếu tố rủi ro trong chuỗi cung ứng thực phẩm tại VN bằng phương pháp DEMATEL. Nghiên cứu cho thấy rủi ro về thay đổi trong chính sách và rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng có ảnh hưởng rất mạnh, là yếu tố nguy cơ kéo theo các rủi ro khác. Tuy thay đổi nhu cầu và hành vi là nguyên nhân nhưng vẫn bị rủi ro thay đổi

chính sách từ nhà nước chi phối. Trong khi đó, việc thay đổi chính sách hay không lại chịu sự tác động từ việc nông dân bị giảm thu nhập và hành vi người tiêu dùng thay đổi. Nghiên cứu của Bạch Hồng Việt (2020) đã phân tích tác động của đại dịch Covid-19 đến sự tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở VN. Từ đó, bài viết gợi mở một số đề xuất cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

Qua việc lược khảo các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả nhận thấy rằng các nghiên cứu trước chủ yếu đánh giá tác động của Covid-19 lên chuỗi cung ứng nói chung hoặc trên một nhóm ngành chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu sâu vào chuỗi cung ứng của mặt hàng gạo tại VN. Mặt khác, gạo vừa là một mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của VN vừa là một mặt hàng có vai trò quan trọng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Do vậy, tác động của đại dịch Covid-19 lên chuỗi cung ứng của mặt hàng này sẽ có nhiều khác biệt so với các mặt hàng xuất khẩu khác của VN.

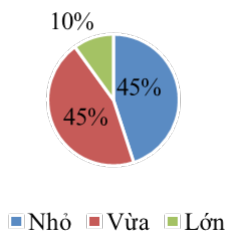
3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp

Đại dịch COVID-19 là một hiện tượng mới xuất hiện trong những năm gần đây và các nghiên cứu về tác động của nó lên chuỗi cung ứng nói chung và chuỗi cung ứng ngành gạo nói riêng chưa nhiều. Đối với các hiện tượng mới và phức tạp thì các yếu tố liên quan không dễ dàng xác định và các lý thuyết hiện có không có sẵn để giải thích hiện tượng (Creswell, 1998). Trong tình huống này, cách tiếp cận định tính thường là điểm khởi đầu nên được ưu tiên

Hình 5: Thông tin các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn

Quy mô doanh nghiệp



Tỷ lệ tham gia vào chuỗi cung ứng lúa gạo của các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn



Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của nhóm tác giả

sử dụng để xây dựng sự hiểu biết dựa trên cơ sở mô tả chi tiết về hiện tượng được tạo ra bằng cách thu thập dữ liệu thực địa. Cách tiếp cận định tính cung cấp cho các nhà nghiên cứu khả năng tiếp cận với mức độ hiểu biết sâu hơn về các hiện tượng mới hoặc phức tạp bằng cách mang lại mức độ chi tiết cao (Golicic & Davis, 2012). Do vậy, nhóm tác giả quyết định thực hiện nghiên cứu định tính nhằm đánh tác động của dịch Covid-19 đến chuỗi cung ứng lúa gạo VN. Dữ liệu sơ cấp được lấy từ các cuộc phỏng vấn sâu với 11 doanh nghiệp thực hiện từ ngày 12/06/2021 đến ngày 10/09/2021.

Kỹ thuật chọn mẫu

Việc lựa chọn các doanh nghiệp tham gia vào phỏng vấn được thực hiện bằng kỹ thuật chọn mẫu có chủ đích và mẫu thuận tiện. Nhóm nghiên cứu sử dụng Danh sách Thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, xuất khẩu lúa gạo được cập nhật đến ngày 23/03/2021 (Bộ Công Thương VN, 2021). Trong số 207 doanh nghiệp thì có 183 doanh nghiệp ở khu vực Tp.HCM và ĐBSCL, những doanh nghiệp này nhận được thư mời phỏng vấn thông qua thư điện tử. Nếu không phản hồi, nhóm nghiên cứu tiếp

tục liên hệ thông qua điện thoại với những doanh nghiệp trên. Các doanh nghiệp đồng ý tham gia phỏng vấn giới thiệu những doanh nghiệp khác. Sau cùng, chúng tôi đã thực hiện phỏng vấn sâu 11 doanh nghiệp thương mại hoạt động trong chuỗi cung ứng lúa gạo ở VN.

Mô tả mẫu phỏng vấn

Kỹ thuật phỏng vấn

Phỏng vấn bán cấu trúc được lựa chọn vì đây là kỹ thuật giúp linh hoạt trong thứ tự, cách đặt câu hỏi cũng như chiều rộng và chiều sâu trong câu trả lời của người được phỏng vấn (Lillis, 1999). Phương pháp này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi các câu trả lời của người được phỏng vấn nhằm khám phá và đi sâu vào chi tiết hơn các vấn đề được nêu ra hoặc các quan sát được thực hiện (Abernethy và cộng sự, 1999).

Nội dung phỏng vấn

Nhằm đảm bảo rằng các vấn đề được nêu trên được đề cập hết trong mỗi cuộc phỏng vấn, một bảng hướng dẫn phỏng vấn đã được phát triển. Phần đầu của bảng này gồm các câu hỏi mở, câu hỏi tiếp nối và câu hỏi thăm dò. Tiếp theo là các câu hỏi chung về các động của dịch COVID-19 lên chuỗi cung ứng mà doanh nghiệp quan sát thấy.

Phần cuối của bảng hướng dẫn phỏng vấn là các câu hỏi trực tiếp về các tác động trong mô hình của Magableh (2021), nếu các nội dung này chưa được đề cập đến trước đó.

Quy trình phân tích dữ liệu phỏng vấn

Dữ liệu thu thập từ các cuộc phỏng vấn được xử lý bằng phần mềm NVivo 12. Gồm bốn bước (1) Mã hóa dữ liệu thô: chúng tôi sắp xếp và mã hoá các nội dung các câu trả lời tương tự nhau vào nhiều nhóm nội dung.

(2) Phân cụm, các nhóm nội dung được cân nhắc, suy xét kỹ lưỡng và phân thành từng cụm nội dung nhằm hạn chế sự chồng chéo về nội dung.

(3) Phân nhóm nội dung dựa trên mô hình Magableh (2021), các nhóm nội dung đã được mã hoá sẽ được phân loại vào những nguyên nhân dẫn đến gián đoạn chuỗi cung ứng lúa gạo VN hay các khó khăn mà những doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng gặp phải do tác động của đại dịch COVID-19 hoặc những gián đoạn cụ thể trong chuỗi cung ứng dưới tác động đại dịch Covid-19.

(4) Tổng hợp dữ liệu để tiến hành trình bày kết quả và thảo luận.

4. Kết quả và thảo luận

Qua việc phân tích và tổng

hợp kết quả khảo sát đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh lúa gạo tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long dựa trên các nhóm yếu tố được đề cập trong mô hình Magableh (2021), nhóm tác giả nhận thấy những nguyên nhân gây gián đoạn chuỗi cung ứng lúa gạo tại VN bao gồm:

Biến động về nhu cầu

Các quy định của Chính phủ từ “hạn chế ra đường” đến “không được ra đường” và việc quản lý đối với các trường hợp được ra đường làm hàng hóa khó đến tay người dân. Điều này đã làm người dân gia tăng tích trữ. Nhiều mạnh thường quân trong giai đoạn dịch bệnh cũng tăng cường mua hàng để cứu trợ người dân. Các sở ban ngành

cũng hỗ trợ kết nối doanh nghiệp tới các tổ chức có nhu cầu mua hàng để cứu trợ. Các yếu tố này làm cho nhu cầu tiêu thụ nội địa của gạo tăng cao.

Phản ứng của Chính phủ trong việc ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh

Chúng tôi nhận thấy các vấn đề mà doanh nghiệp gặp phải đều liên quan đến các biện pháp phòng, chống dịch của Chính phủ. Các ảnh hưởng của biện pháp phòng, chống dịch lên hoạt động của chuỗi cung ứng gạo được ghi nhận từ các doanh nghiệp ở Nam Bộ như Hình 6.

Kết quả này hoàn toàn phù hợp với với kết quả nghiên cứu của Tôn Nguyễn Trọng Hiền và Nguyễn Quỳnh Mai (2021) về vai trò quyết định của rủi ro về chính sách và rủi ro về thay đổi

hành vi người tiêu dùng đối với các loại rủi ro khác trong chuỗi cung ứng thực phẩm.

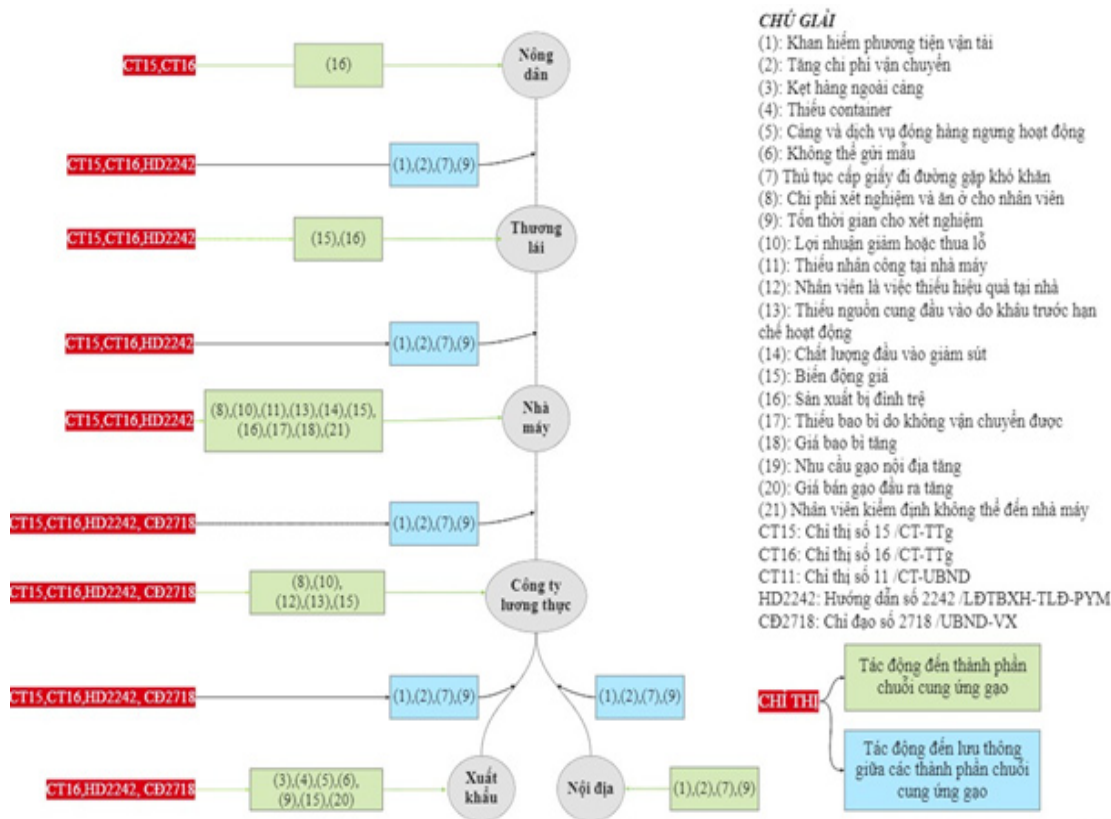
Mặt khác, nhóm tác giả cũng nhận thấy các khó khăn mà những doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng lúa gạo VN gặp phải do tác động của đại dịch COVID-19 bao gồm:

Khó khăn trong vận chuyển

Những khó khăn trong vận chuyển mà doanh nghiệp gặp phải bao gồm sự thiếu hụt về phương tiện vận chuyển và sự kéo dài thời gian trong các khâu vận chuyển.

Ở đầu vào, thương lái hạn chế hoạt động thu mua do các rủi ro về sức khỏe và tự phải chi trả thêm cho chi phí phát sinh từ các thủ tục y tế, xét nghiệm và giấy đi đường theo quy định. Ở đầu ra, những vấn đề tương tự

Hình 6: Tác động của các văn bản Chính phủ và cơ quan nhà nước chuỗi cung ứng lúa gạo



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

cũng diễn ra ở khâu vận chuyển từ nhà máy đến công ty lương thực hoặc từ công ty lương thực đến tiêu dùng nội địa hay đến cảng để xuất khẩu. Hoạt động xuất khẩu gạo đối mặt với sự thiếu hụt container, kéo dài hay đình trệ thời gian vận chuyển hàng. Dù chi phí vận chuyển tăng cao đột biến nhưng doanh nghiệp vẫn phải chấp nhận thời gian lưu thông ở tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng bị kéo dài hơn so với thường lệ. Việc lưu thông hạn chế không chỉ ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa mà còn ảnh hưởng đến việc chào hàng của doanh nghiệp và gây khó khăn trong việc kết nối các đối tác kinh doanh của các doanh nghiệp.

Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Mahajan & Tomar (2020) về sự khó khăn trong vận chuyển là nguyên nhân trực tiếp gây nên sự gia tăng giá cả hàng hóa và thiếu hụt nguồn hàng hóa.

Sản xuất đình trệ do thiếu hụt nhân sự

Tại khâu sản xuất ở nhà máy, các doanh nghiệp phải đối mặt với tình trạng thiếu nhân công do công nhân không muốn làm việc, ăn, ở nhà máy như quy định của “3 tại chỗ” và rủi ro lây nhiễm dịch bệnh ở nhà máy khá cao. “Điều kiện ở nhà máy không thể nào tốt như ở nhà, đồng thời công nhân cũng muốn về với gia đình” – một doanh nghiệp chia sẻ. Hơn nữa công nhân tại nhà máy gạo hưởng lương dựa trên sản xuất, không nằm trong biên chế của công ty nên không chịu sự ràng buộc chặt chẽ của doanh nghiệp.

Tại các khâu vận chuyển,

doanh nghiệp cũng gặp khó khăn vì thiếu nhân sự đóng hàng vào container, hoặc bốc xếp hàng lên xà lan. Nhân sự làm tại cảng cũng ghi nhận tình trạng thiếu. Ngoài ra, với những công việc không yêu cầu phải có mặt ở chỗ làm, doanh nghiệp cho rằng hiệu quả khi làm việc tại nhà không cao như khi làm việc tại văn phòng.

Khó khăn của đầu vào

Việc thương lái hạn chế hoạt động làm cho nguồn cung gạo cho nhà máy sản xuất ít lại. Việc này cũng làm chất lượng lúa bị giảm sút. Ngoài ra, một số doanh nghiệp còn chủ động giảm mua lúa đầu vào vì không dám nhận đơn hàng mới khi hoạt động kinh doanh của họ bị đình trệ, năng lực sản xuất của họ bị giảm khi phải tuân theo các quy định của Chính phủ trong việc phòng, chống dịch bệnh. Việc thiếu hụt bao bì cũng là một yếu tố làm gián đoạn chuỗi cung ứng lúa gạo. Các cơ sở sản xuất bao bì đa phần ở Đồng Nai hoặc thành phố Hồ Chí Minh trong khi nhà máy của doanh nghiệp gạo thường ở các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long. Điều này đã làm cho các nhà máy sản xuất lúa gạo thiếu hụt bao bì đóng gói do các hạn chế di chuyển để phòng chống dịch bệnh do Chính Phủ đặt ra.

Khó khăn của ngành gạo phải là sự gia tăng chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Để thực hiện được yêu cầu bố trí phương án vừa cách ly, vừa sản xuất tại doanh nghiệp trong thời điểm dịch bệnh các doanh nghiệp phải lo chi phí ăn uống, sinh hoạt cho người lao động đồng thời vẫn phải đảm bảo sức khỏe, điều kiện sinh hoạt. Việc

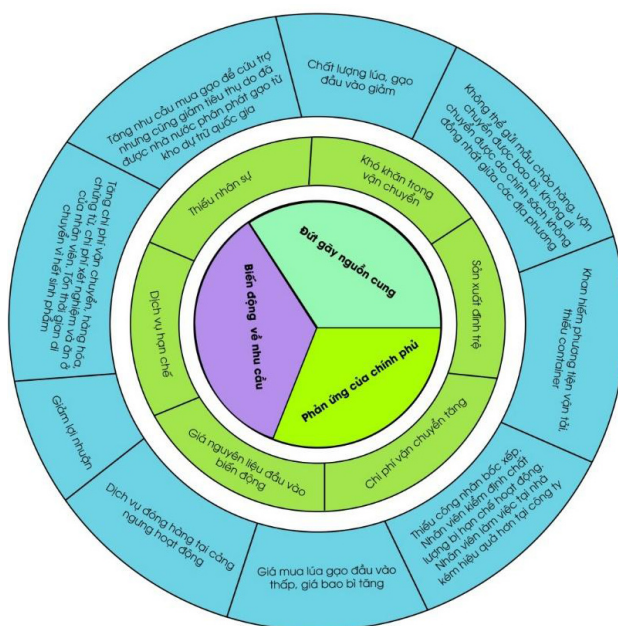
người lao động ở lại nhà máy tới khi nào hết dịch cũng khiến các chi phí như điện, nước, phụ cấp tăng lên. Chi phí dành cho việc xét nghiệm cũng là một gánh nặng lớn khi doanh nghiệp phải đảm bảo xét nghiệm đủ 3 ngày/lần cho toàn bộ nhân sự hoạt động ở nhà máy. Việc “phí chồng phí” làm gia tăng đáng kể chi phí kinh doanh trong khi doanh thu thường được cố định từ trước hoặc doanh nghiệp không thể tăng giá bán do áp lực cạnh tranh từ các đối thủ như Thái Lan, Campuchia, ... Điều này khiến lợi nhuận nhiều doanh nghiệp giảm sút, hoặc một số doanh nghiệp ghi nhận lỗ do doanh thu không đủ bù chi phí. Tuy vậy, các doanh nghiệp này vẫn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng để giữ uy tín hoặc giữ mối quan hệ làm ăn với khách hàng. Các doanh nghiệp cho rằng họ đang phải trụ qua từng ngày đến khi nào tình hình dịch tốt hơn, các quy định về giãn cách của chính phủ được nới ra.

5. Kết luận và khuyến nghị

Từ kết quả ghi nhận ý kiến của các doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo tại ĐBSCL kết hợp với cơ sở lý luận từ mô hình nghiên cứu Magableh (2021), chúng tôi minh họa những tác động của dịch COVID-19 lên chuỗi cung ứng lúa gạo tại VN và nguyên nhân gây ra những tác động này qua Hình 7,

Từ kết quả của nghiên cứu này, chúng tôi khuyến nghị doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo VN cần có những giải pháp để giảm phụ thuộc vào các nguồn cung nguyên liệu không ổn định. Đồng thời, các đơn vị kinh doanh lúa gạo cũng cần

Hình 7: Tác động dịch bệnh Covid-19 lên chuỗi cung ứng lúa gạo VN dưới góc nhìn của doanh nghiệp gạo



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát

xây dựng mối quan hệ chiến lược với các đơn vị vận chuyển và đa dạng hoá các phương thức vận chuyển trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, để hạn chế những khó khăn trong vấn đề nhân sự dưới tác động của dịch bệnh trên diện rộng, các doanh nghiệp chế biến trong chuỗi cung ứng lúa gạo cần thay đổi chính sách nhân sự nhằm tăng cường sự gắn bó của các lao động thời vụ đối với doanh nghiệp mình●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abernethy, M. A., Chua, W., Luckett, P. F. and Selto, F. H. (1999) Research in managerial accounting: learning from others' experiences. *Accounting & Finance*, 39(1), pp. 1–27.

Bach Hồng Việt. (2020). Tác động của đại dịch Covid-19 đến tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở VN. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Covid-19, đại dịch và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững"*. Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội VN.

Chopra, S., & Meindl, P. (2009). *Supply Chain Management*, 4th Edition. Prentice Hall: Pearson Education.

Creswell, J.W. (1998), *Qualitative Inquiry and Research Design: Choosing Among Five Research Traditions*, Sage, Thousand Oaks, CA.

Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản. (15/01/2021). *Xuất khẩu gạo 2020 sang các thị trường chính để tăng kim ngạch*. Truy cập 16/06/2021 tại <http://www.chebien.gov.vn/Pages/xuat-khau-gao-nam-2020-sang-cac-thi-truong-chinh-deu-tang-kim-ngach.aspx>

Daganzo, C. F. (2003). *A Theory of Supply Chains*. Berlin Heidelberg: Springer-Verlag.

Golicic, S. L., & Davis, D. F. (2012). Implementing Mixed Methods Research in Supply Chain Management. *International Journal of Physical Distribution and Logistics Management*, 42, 726-741.

Ivanov, D. (2020). Predicting the impacts of epidemic outbreaks on global supply chains: a simulation-based analysis on the coronavirus outbreak (COVID-19/SARS-CoV-2) case. *Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review*, Vol. 136, p. 101922.

Kampstra, R.P., Ashayeri, J. and Gattorna, J.L. (2006). Realities of supply chain collaboration. *The International Journal of Logistics Management*. Vol. 17 No. 3, 312-330.

Lillis, A. M. (1999). A framework for the analysis of interview data from multiple field research sites. *Accounting & Finance*, 39(1), 79–105.

Lopes de Sousa Jabbour, A., Chiappetta Jabbour, C., Hingley, M., Vilalta-Perdomo, E., Ramsden, G., & Twigg, D. (2020). Sustainability of supply chains in the wake of the coronavirus (COVID-19/SARS-CoV-2) pandemic: lessons and trends. *Modern Supply Chain Research and Applications*, 2(3), 117-122. doi: <https://doi.org/10.1108/MSRA-05-2020-001>

Magableh, G. M. (2021). Supply Chains and the COVID-19 Pandemic: A Comprehensive Framework. *European Management Review*. DOI: 10.1111/emre.12449

Mahajan, K., & Tomar, S. (2020). COVID-19 and Supply Chain Disruption: Evidence from Food Markets in India. *American Journal of Agricultural Economics*, 35-52.

Nguyễn Văn Sơn. (2013). *Bàn về việc hoàn thiện chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu của VN*. Hội thảo và triển lãm quốc tế về “Hậu cần vận tải hàng hải VN năm 2013”. TP. Hồ Chí Minh.

Phạm Thị Thanh Hà & Phạm Hà Phương. (2014). Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong xuất khẩu gạo. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, 3(2), 52-57.

Shahed, K. S., Azeem, A., Ali, S. M., & Moktadir, M. (2021). A supply chain disruption risk mitigation model to manage COVID-19 pandemic risk. *Environmental Science and Pollution Research* (2021).

Stecke, K., & Kumar, S. (2009). Sources of Supply Chain Disruptions, Factors That Breed Vulnerability, and Mitigating Strategies. *Journal of Marketing Channels*, 193-226.

Tôn Nguyễn Trọng Hiền và Nguyễn Quỳnh Mai (2021). Vận dụng phương pháp DEMATEL đánh giá rủi ro COVID-19 tới chuỗi cung ứng thực phẩm tại VN. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 119-129.

Võ Thị Thanh Lộc, & Nguyễn Phú Sơn (2011). PHẦN 1: Phân tích chuỗi giá trị lúa gạo vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 96-108.